

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST

Ngày 25 - 02 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận
2. Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 06 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, thành phố C, tỉnh C ..

Chỗ ở: Số 287, Khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng).

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Giao Vàm, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2021 và khởi kiện bổ sung ngày 07/7/2021, biên bản hòa giải 10/01/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Bà Lương Thị H làm chủ hui. Bà H có mở 02 dây hui loại 3.000.000 đồng cụ thể:

- Vào ngày 11/3/2020 (nhằm ngày 24/02/2020âl) bà H có mở dây hui loại hui 3.000.000 đồng, hui này có 18 chung, mỗi tháng khai 01 kỳ. Bà tham gia 02

chung, đóng được 13 kỳ, số tiền thực đóng 61.880.000 đồng, chưa hết thì phía bà H tuyên bố đình hui vào ngày 12/3/2021 (24/02/2021âl). Nếu tính hui chết, số tiền 75.000.000 đồng.

- Vào ngày 30/6/2020 (nhằm ngày 10/5/2020âl), bà H có mở dây hui loại 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 kỳ, hui này có 18 chung, bà có tham gia 02 chung, đóng được 10 kỳ, số tiền thực đóng 44.620.000 đồng, chưa hết thì bà H tuyên bố đình hui vào ngày 12/3/2021. Nếu tính hui chết, số tiền 57.000.000 đồng. Cả 02 dây hui trên bà H nợ 106.500.000 đồng. Nếu tính hui chết của 04 chung hui 132.000.000 đồng.

Ngày 07/7/2021, bà T có khởi kiện bổ sung yêu cầu 25.500.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà H trả số tiền 132.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải thành ngày 10/01/2022, sau khi tính toán số liệu cụ thể bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà Thống nhất số tiền 101.080.000 đồng và đồng ý đối trừ số tiền của chị Võ Thị Mộng Thường 6.000.000 đồng. Số tiền còn lại buộc bà H trả cho bà là 95.080.000 đồng Tòa án đã tiến hành lập biên bản hòa giải thành.

Ngày 17/01/2022, bà T có đơn yêu cầu thay đổi ý kiến không thống nhất số tiền 95.080.000 đồng lý do bà tiếp tục yêu cầu tính lãi suất 0,83% theo quy định và thời hạn là 10 tháng = số tiền 8.417.000 đồng trên số tiền 101.080.000 đồng và không đồng ý đối trừ số tiền của bà Võ Thị Mộng Thường.

Bà Lương Thị H trình bày: Bà thống nhất như trình bày của bà T về thời gian chơi hui, nhưng chưa hết hui thì bà đình hui đúng như bà T trình bày. Nay bà đồng ý trả số tiền thực đóng của 02 dây hui, tổng cộng 101.080.000 đồng (dây hui ngày 24/02/2020âl, số tiền thực đóng của 02 chung tính đến ngày đình hui 24/02/2021âl, được 13 kỳ, có nhuận 02 tháng 4 là 57.200.000 đồng; dây hui ngày 10/5/2020âl, số tiền thực đóng của 10 kỳ là 43.880.000 đồng đình hui ngày 10/3/2021âl). Trong số tiền 101.080.000 đồng có đối trừ số tiền của bà Võ Thị Mộng Thường 6.000.000 đồng, còn lại số tiền 95.080.000 đồng bà đồng ý trả.

Tại phiên tòa bà T xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà Lương Thị H trả 132.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- *Về thẩm quyền:* Do bị đơn bà Lương Thị H có nơi cư trú tại ấp Giao Vàm, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền hui,

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Trung tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, xác định không tiếp tục ủy quyền cho ông Trung tham gia tố tụng và tự mình tham gia. Việc nguyên đơn chấm dứt đại diện là quyền của nguyên đơn theo quy định tại Điều 89 của Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày, bà có tham gia 02 dây hụi loại 3.000.000 đồng do bà H làm chủ, khai các ngày 24/02 và 10/5/2020, mỗi dây bà tham gia 02 chung. Dây hụi ngày 24/02/2020, bà đóng được 13 kỳ chưa hốt, dây hụi ngày 10/5/2020, bà đóng được 10 kỳ chưa hốt. Đến ngày 24/02/2021, thì bà H tuyên bố đình hụi, các dây hụi bà tham gia chưa mãn. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch hụi nên bà khởi kiện yêu cầu bà H trả lại số tiền hụi chết 132.000.000 đồng.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà số tiền nợ hụi chết của 02 dây hụi là 132.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà T có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên của 02 dây hụi nêu trên; biên nhận đối trừ số tiền 6.000.000 đồng của chị Võ Thị Mộng Thường.

Tại phiên tòa bà H thừa nhận còn nợ 02 dây hụi đến khi đình hụi ngày 24/02/2021, số tiền thực đóng là 101.080.000 đồng và đồng ý đối trừ số tiền 6.000.000 đồng của chị Võ Thị Mộng Thường, số tiền còn lại 95.080.000 đồng bà đồng ý trả.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 10/01/2022 các đương sự thống nhất. Tuy nhiên sau đó, nguyên đơn thay đổi ý kiến yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định, thời hạn 10 tháng với số tiền 8.417.860 đồng. Bị đơn không đồng ý, lý do hiện nay bị đơn còn nợ nhiều người nên yêu cầu không tính lãi suất.

Xét, các bên giao dịch hụi là thực tế có xảy ra, bị đơn thừa nhận nguyên đơn tham gia 02 dây hụi do bị đơn làm chủ, chưa hốt, hụi này chưa mãn, nhưng bị đơn tuyên bố đình hụi. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận tiền vốn mà nguyên đơn đã thực đóng của 02 dây hụi số tiền 95.080.000 đồng có trừ số tiền 6.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bị đơn là phù hợp không cần phải chứng được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Xét về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, tại phiên tòa bị đơn không đồng ý trả lãi do hiện nay bị đơn còn nợ nhiều người, do việc đình hụi nên không có khả năng trả. Hội đồng xét xử xét thấy các dây hụi do bà H làm chủ, bà H đã đình hụi

vào ngày 24/02/2021¹l, tính đến nay là 10 tháng, Theo quy định tại Điều 21, Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường. Trong vụ kiện trên chủ hộ vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch hộ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất không vượt 20%/năm= 1,66%/tháng nên việc yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn căn cứ khoảng tiền vốn 101.420.000 đồng x 0,83% x 10 tháng =8.417.860 đồng là chưa đối trừ số tiền 6.000.000 đồng của chị Mộng Thường đã trả vào tháng 7/2021¹l, nên Hội đồng xét xử tính lại căn cứ vào thời gian đình hộ tháng 02/2021¹l đến tháng 7/2021¹l là 5 tháng, trên số tiền 101.080.000 đồng x 0,83% x 5 tháng =4.194.820 đồng; 95.080.000 đồng x 0,83% x 5 tháng =3.945.820đ +4.194.820 đ=8.140.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính hộ chết số tiền 28.780.000 đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ khi đình hộ ngày 24/02/2021¹l, thì các chứng hộ này chưa mãn, các hộ viên không tiếp tục đóng hộ nữa, chủ hộ đã mất khả năng thanh toán. Theo hướng dân tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường thì các hộ viên có quyền yêu cầu tính lãi suất theo quy định nên không có cơ sở để tính hộ chết. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính hộ chết số tiền 28.780.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Buộc bà Lương Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận; bà Trần Thị T phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 96, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Buộc bà Lương Thị H trả cho bà Trần Thị T, số tiền 103.220.000 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lương Thị H không thi hành xong khoản tiền trên, bà Lương Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc buộc bà Lương Thị H trả số tiền 28.780.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Lương Thị H phải nộp số tiền 5.161.000 đồng (*Năm triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng*); bà Trần Thị T phải chịu số tiền 1.439.000 đồng (*Một triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*). Ngày 21/6/2021 và 07/7/2021 bà T có dự nộp 3.301.000 đồng theo biên lai thu số 0005065 và lai thu số 0005138 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ, bà T được nhận lại số tiền 1.862.000 đồng (*Một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

